

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THẢO NGUYÊN XANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THẢO NGUYÊN XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAO NGUYEN XANH DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THAO NGUYEN XANH DEV CO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106936575

3. Ngày thành lập: 12/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Bãi, tổ 21, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982 012 009

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Các hoạt động gieo trồng ngô (trừ trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc) và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây lấy sợi	0116
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
7.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng);	0119(Chính)
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây điều	0123
10.	Trồng cây hồ tiêu	0124
11.	Trồng cây cao su	0125
12.	Trồng cây cà phê	0126
13.	Trồng cây chè	0127
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
15.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: các cây lâu năm như: cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không	0129
16.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130

17.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
18.	Chăn nuôi lợn	0145
19.	Chăn nuôi gia cầm	0146
20.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
21.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
24.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
26.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
27.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
28.	Khai thác gỗ	0221
29.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây	0222
30.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
31.	Khai thác thủy sản biển	0311
32.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
33.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
34.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
35.	Sản xuất giống thủy sản	0323
36.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
37.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
40.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
41.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
42.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý; môi giới thương mại;	4610
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
50.	Bán buôn gạo	4631
51.	Bán buôn thực phẩm	4632
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299

6. Vốn điều lệ: 4.900.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY DƯƠNG	Số 145A, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	14.700	1.470.000.000	30	0300825000 232	
			Cổ phần phổ thông	14.700	1.470.000.000	30		
2	TRẦN THỊ THÀNH	Xóm Bãi, tổ 21, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.600	1.960.000.000	40	013055272	
			Tổng số	19.600	1.960.000.000	40		
3	NGUYỄN VĂN NAM	Xóm Bãi, tổ 21, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	14.700	1.470.000.000	30	0330870000 15	
			Tổng số	14.700	1.470.000.000	30		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRẦN THỊ THÀNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 28/08/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013055272

Ngày cấp: 12/03/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm Bãi, tổ 21, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Xóm Bãi, tổ 21, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội